

Bản án số: **50/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 23-9-2025

*“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Văn Anh và ông Nguyễn Ngọc Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2025/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2025, về việc *“Tranh chấp Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị L, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Ma Văn B, sinh năm 1993;

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Đài Loan (địa chỉ cụ thể không rõ). *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn B kết hôn có tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 31/12/2015. Quá trình chung sống chị và anh Bình đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm trong phát triển kinh tế gia đình và trong cách nuôi dạy con. Anh B hay có những lời lẽ xúc phạm, hăm dọa chị nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau.

Từ tháng 02/2023 đến nay, chị và anh B sống ly thân, chị thì đi làm công ty ở B còn anh B sau đó mấy tháng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hiện nay, chị L sinh sống tại thôn Đ, xã M, tỉnh Tuyên Quang còn anh B đang sinh sống tại Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể). Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn với anh Ma Văn B.

Về con chung: Chị và anh Ma Văn B có 01 con chung là cháu Ma Quốc B1, sinh ngày 20/12/2016. Khi giải quyết ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bảo cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Ma Văn B không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ma Văn B hiện nay đang ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang đã thông báo, gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ma Văn B thông qua người thân của anh B tại Việt Nam. Thông qua mẹ đẻ của anh Ma Văn B là bà Ma Thị L1, anh B có ý kiến như sau: Hiện nay, anh đang đi xuất khẩu lao động nên anh chưa đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh B không có mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu, giải quyết cho chị được ly hôn với anh B và đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí vì chị là hộ cận nghèo.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Anh Ma Văn B đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt anh Ma Văn B là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của chị Ma Thị L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định cuộc sống chung của vợ chồng chị Ma Thị L và anh Ma Văn B không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện mỗi người ở một nước không có khả năng đoàn tụ vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xử cho chị Ma Thị L được ly hôn với

anh Ma Văn B. Về con chung: Giao con chung là cháu Ma Quốc B1, sinh ngày 20/12/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; anh Ma Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị Ma Thị L được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Ma Thị L và anh Ma Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 31/12/2015 là hôn nhân hợp pháp. Anh B hiện đang sinh sống lao động tại nước ngoài (Đài Loan), theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Ma Văn B hiện đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Gia đình anh Ma Văn B xác nhận anh Bình vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình để thăm hỏi mẹ, tuy nhiên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh B. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ma Văn B thông qua mẹ để anh Bình, gia đình anh cam kết và đã thông báo cho anh B biết các văn bản tố tụng của Tòa án, anh B đã có ý kiến thông qua mẹ đẻ của anh là anh đang đi xuất khẩu lao động nên chưa đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ma Văn B là phù hợp pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị L:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Ma Thị L phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình anh B là bà Ma Thị L1 và mẹ đẻ của chị L là bà Ma Thị C. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Ma Thị L và anh Ma Văn B có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải, bản thân chị Ma Thị L và anh Ma Văn B đã cố gắng khắc phục nhưng đều không có kết quả. Hiện nay, giữa chị Ma Thị L và anh Ma Văn B mỗi người ở một nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ma Thị L và anh Ma Văn B mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương nhau để xây dựng cuộc sống gia đình ấm no,

hạnh phúc được nữa. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Ma Thị L.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Ma Thị L và anh Ma Văn B có 01 con chung là cháu Ma Quốc B1, sinh ngày 20/12/2016. Từ khi anh B đi xuất khẩu lao động, cháu B1 ở cùng chị L và ông bà ngoại tại thôn Đ, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay anh Ma Văn B đang ở nước ngoài, từ khi anh B đi xuất khẩu lao động đến nay đã hơn 02 năm; chị L đang sinh sống tại Việt Nam và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; cháu B1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ, anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ma Quốc B1 cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Ma Thị L tự nguyện có trách nhiệm với con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đề nghị của chị L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ma Thị L là hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị L về việc xin ly hôn với anh Ma Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị L được ly hôn với anh Ma Văn B (*Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Ma Quốc B1, sinh ngày 20/12/2016 cho chị Ma Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Ma Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị L được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2025), anh Ma Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã K, tỉnh Tuyên Quang (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ma Ngọc Trung

